

Đề cương Tuyên truyền về Luật Biển Việt Nam

Ngày 21-6-2012, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật Biển Việt Nam. Luật ra đời nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý của Việt Nam, phục vụ cho việc sử dụng, quản lý, bảo vệ các vùng biển, đảo và phát triển kinh tế biển của Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập quốc tế và tăng cường hợp tác với các nước, vì hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới. Luật Biển Việt Nam tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Luật Biển Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Việt Nam là một quốc gia ven biển, có bờ biển dài hơn 3.200km. Biển có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình dựng nước, giữ nước và phát triển của dân tộc Việt Nam. Kinh tế biển của Việt Nam đóng góp ngày càng lớn vào nền kinh tế đất nước. Chính vì vậy, các luật pháp quốc tế về biển đã được Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Ngay từ tháng 6 năm 1994, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa IX) đã thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, trong đó nêu rõ: “Quốc hội giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ nghiên cứu để có những sửa đổi, bổ sung cần thiết đối với các quy định liên quan của pháp luật quốc gia cho phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, bảo đảm lợi ích của Việt Nam”.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, việc xây dựng Luật Biển Việt Nam đã được triển khai trong chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội khóa X (nhiệm kỳ 1997-2002). Với quan điểm xây dựng Luật Biển Việt Nam là Luật phải được xây dựng trên cơ sở Hiến pháp, Nghị quyết của Quốc hội, các Tuyên bố của Chính phủ năm 1977 và 1982, tổng kết thực tiễn quản lý biển của nước ta. Đặc biệt phải tuân thủ Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 và các Hiệp định về biển đã ký v.v... Trải qua 3 nhiệm kỳ Quốc hội các khóa X, XI, XII (từ năm 1997 đến năm 2011) với nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung, đến nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, dự thảo Luật Biển Việt Nam đã tương đối hoàn thiện và đủ điều kiện để xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ ba vừa qua.

Luật Biển Việt Nam bao gồm 7 Chương với 55 Điều. Tại Điều 1 của Luật Biển Việt Nam nêu rõ phạm vi điều chỉnh của Luật là đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển, quản lý và bảo vệ biển, đảo.

Việc khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong Luật là sự tiếp nối lập trường nhất quán của Việt Nam trong vấn đề này, đã được nêu rõ trong Nghị quyết năm 1994 của Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biên giới quốc gia năm 2003.

Điều 2 của Luật Biển Việt Nam nêu rõ về việc áp dụng pháp luật:

“1. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với quy định của luật khác về chủ quyền, chế độ pháp lý của vùng biển Việt Nam thì áp dụng quy định của Luật này.

2. Trường hợp quy định của Luật này khác với quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”.

Nguyên tắc và chính sách quản lý, bảo vệ biển của Việt Nam cũng được thể hiện rõ trong Điều 4 của Luật Biển Việt Nam:

“1. Quản lý và bảo vệ biển được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc và các điều ước quốc tế khác mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Các cơ quan, tổ chức và mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

3. Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế”.

Như vậy, Luật Biển Việt Nam tiếp tục khẳng định chủ trương nhất quán của Nhà nước ta là giải quyết các tranh chấp liên quan tới biển, đảo với các nước bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

Ngoài ra, Luật Biển Việt Nam nêu rõ Nhà nước ta thực hiện chủ quyền đối với nội thủy và lãnh hải Việt Nam; quy định cụ thể tàu thuyền nước ngoài được quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải nước ta, tàu quân sự nước ngoài thông báo trước khi đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam. Luật Biển Việt Nam cũng quy định quyền tự do hàng hải, quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam...

Tại Điều 22 của Luật Biển Việt Nam quy định:

“1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng biển Việt Nam phải tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia của Việt Nam, tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế có liên quan.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của tàu thuyền, tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng biển Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”.

Có thể nói toàn bộ 7 Chương với 55 Điều của Luật Biển Việt Nam không có nội dung nào trái với Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, như Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh đã từng khẳng định: “Với việc Quốc hội nước ta thông qua Luật Biển Việt Nam, chúng ta đã chuyển một thông điệp quan trọng đến cộng đồng quốc tế. Đó là: Việt Nam là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, phấn đấu vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và trên thế giới”.

BAN TUYÊN TUYÊN GIÁO QUẬN ỦY